| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **24** /2018/HNGĐ-ST<br>Ngày: 11 - 5 -2018<br>V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Sơn.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Trương Xuân Vũ
2. Bà Hà Thị Thoan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên L không tham gia phiên toà*.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22 /2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1986; Có mặt

2/ Bị đơn: Anh Mông Văn K, sinh năm 1985; Vắng mặt không có lý do.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hoàng Thị P trình bày: Tôi và anh Mông Văn K được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 25/11/2004.Vợ chồng sống hòa thuận, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình tôi có tham gia góp ý nhiều lần nhưng anh K không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhưng không thành. Do không chịu đựng được đời sống chung năm 2016 tôi đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống, chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, nên xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Mông Trung H, sinh ngày 11/4/2006 và Mông Trung H, sinh ngày 23/9/2008. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Ngày 04/12/2014 vợ chồng vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thời hạn 5 năm, tại đơn

khởi kiện tôi yêu cầu anh Kphải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ. Sau đó hai người đã thỏa thuận có sự chứng kiến của cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L và được UBND xã L xác nhận, do đó tôi xin rút lại yêu cầu chia khoản nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại biên bản ghi lời khai anh Mông Văn K trình bày: Tôi và cô Hoàng Thị P được tự do tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 25/11/2004. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn N, xã L, đến năm 2016 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô P tự ý bỏ nhà đi làm thuê ở đâu không cho tôi biết, năm 2017 thì cô P về đưa cả hai con về sinh sống với bố mẹ đẻ, tôi có đến đón một lần nhưng cô Phương không về và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai, nay cô P xin ly hôn thì tôi không nhất trí vì lý do vì các con tôi.

Chúng tôi có hai con chung : Mông Trung H, sinh ngày 11/4/2006 và Mông Trung H, sinh ngày 23/9/2008. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu cô P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2018 thì các cháu Mông Trung H và Mông Trung H cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con chung các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.Tại phiên tòa anh Mông Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Hoàng Thị P và anh Mông Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã L vào ngày 25/11/2004 là hôn nhân hợp pháp. Chị P và anh K cùng xác định vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, sau đó vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị P và anh Mông Văn K đã mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn thật sự trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, do đó giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do được cho rằng anh K cố tình không đến phiên tòa là tự mình từ bỏ quyền được trình bày quan điểm khi giải quyết ly hôn.

[3] Về con chung: Chị P và anh K có 02 con chung: Mông Trung H, sinh ngày 11/4/2006 và Mông Trung H, sinh ngày 23/9/2008. Xét về điều kiện chăm sóc con các đương sự cùng có điều kiện chăm sóc con ngang nhau, tuy nhiên nguyện vọng của các cháu Mông Trung H và Mông Trung H đều nhận được ở với mẹ, hiện tại chị P làm nông nghiệp và làm thêm có thu nhập bình quân một tháng 5.000.000đ(Năm triệu đồng). Do đó giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con là phù hợp, việc chị P không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không nhất thiết buộc anh K phải cấp dưỡng.

[4] Về khoản nợ chung: Ngày 26/3/2018 chị P đã rút lại yêu cầu chia khoản nợ chung, việc rút yêu cầu của đương sự trước khi mở phiên tòa là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét giải quyết. Chị P được trả lại tiền tạm ứng chia khoản nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P được ly hôn anh Mông Văn K.

2.Về con chung: Giao hai người con Mông Trung H, sinh ngày 11/4/2006 và Mông Trung H, sinh ngày 23/9/2008 cho chị Hoàng Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Mông Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ ( Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí và được trả lại số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng chia tài sản tại biên lai thu số AA/2017/0000874 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái, chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Mông Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- CCT.H.ADS huyện L;
-UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký và đóng dấu**

**Nguyễn Trung Sơn**